

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 03 năm 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cầm Văn Tổ
- Ông Hà Văn Sơ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự; Quyết định hoãn phiên Tòa số 06/2025//QĐST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vì Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản N Đ, xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Vì Văn S, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản Ph Kh, xã Phiêng Păn, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vì Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Vì Văn S kết hôn từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 12/12/2014.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh S hay đi chơi bời, gái gú không chung thủy với vợ, về

đánh đập vợ, không quan tâm trong sóc cho gia đình. Hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành, đến năm 2015 anh chị đã sống ly thân. Nay xác định vợ chồng không thể chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vì Văn S.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Vì Lê Giang, sinh ngày 14/08/2015. Từ khi anh chị sống ly thân cháu Giang do chị H nuôi dưỡng nay ly hôn chị mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Vì Văn S và được nuôi dưỡng con chung, đồng thời xin miễn án phí dân sự sơ thẩm do chị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn thuộc xã vùng ba.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Vì Văn S về địa chỉ bản Phiêng Khàn, xã Phiêng Pần, huyện Mai Sơn. Qua xác minh xác định, anh S đã biết được thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án xin ly hôn và thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc. Tuy nhiên, anh S không đến làm việc tại Tòa án, không gửi văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Căn cứ Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của chị H và anh S.

Do anh S không có mặt nên tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Vì Văn S. Về con chung: Giao cháu Vì Lê Giang, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Vì Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, do chị là người dân tộc cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng ba.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn về việc xin ly hôn với anh Vì Văn S có nơi cư trú tại bản Phiêng Khàn, xã Phiêng Pằn, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, phân chia tài sản chung và nợ chung là đúng quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Vì Thị H và anh Vì Văn S kết hôn với nhau từ năm 2014, anh chị đã được UBND xã Chiềng On, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/12/2014, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh S hay chơi bời gái gú, không quan tâm chăm sóc vợ con, hay chửi mắng vợ, cuộc sống không hạnh phúc. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình và địa phương thể hiện, vợ chồng chị H và anh S có mâu thuẫn chính quyền địa phương và hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo cho nhưng không thành. Đến năm 2015 hai vợ chồng đã sống ly thân chị H bỏ về bên ngoại sinh sống, anh S đi làm công nhân (không rõ địa chỉ), thỉnh thoảng mới trở về nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ xác định anh S biết việc chị H xin ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị H cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Vì Văn S.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh S có 01 con chung là cháu Vì Lê Giang, sinh ngày 14/8/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Giang do chị H nuôi dưỡng. Qua xác minh tại Ban quản lý Bản và gia đình thể hiện trong thời gian anh S đi làm xa, cháu Giang ở với chị H và ông bà ngoại. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Giang có nguyện vọng ở cùng chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Vì Lê Giang có nguyện vọng ở cùng chị H, anh S hiện không có mặt tại địa phương. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận ý kiến của cháu Giang, giao cháu Vì Lê Giang cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ: Chị H không đề nghị anh S cấp dưỡng và cam kết đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Xét đây là yêu cầu tự nguyện của chị H nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh S không thể hiện ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] *Về án phí*: Chị H có đơn xin được miễn án phí do chị là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện Mai Sơn cần miễn án phí cho chị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Vì Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Lê Giang, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Vì Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ cùng chị.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị H do chị là người dân tộc cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn thuộc xã vùng ba.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã Chiềng On, huyện Yên Châu ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cầm Ngọc Thương